

Thực trạng và hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của người nước ngoài tại Việt Nam / Trần Thị Hồng Thu

Trang

<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	7
1.1. Khái niệm người nước ngoài và phân loại	7
1.1.1. Khái niệm người nước ngoài	7
1.1.2. Phân loại người nước ngoài	10
1.2. Cơ sở pháp lý xây dựng địa vị pháp lý người nước ngoài	12
1.2.1. Căn cứ hình thành	12
1.2.1.1. Bộ luật nhân quyền quốc tế	12
1.2.1.2. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền	12
1.2.1.3. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa	13
1.2.2. Sự tham gia của Việt Nam vào các Công ước quốc tế về quyền con người	14
1.2.3. Khái niệm địa vị pháp lý áp dụng cho người nước ngoài	15
1.2.3.1. Chế độ đãi ngộ quốc gia (National Treatment)	17
1.2.3.2. Quy chế Tối huệ quốc (The most favoured nation treatment)	18
1.2.3.3. Chế độ đãi ngộ đặc biệt	20
1.2.3.4. Chế độ có đi có lại và chế độ báo phục quốc	21
1.2.4. Đặc điểm địa vị pháp lý người nước ngoài	23
1.3. Khái quát về địa vị pháp lý của người nước ngoài trong tư pháp quốc tế trên thế giới	24
1.3.1. Quyền thừa kế	24
1.3.2. Quan hệ hôn nhân và gia đình	28
1.3.3. Nuôi con nuôi	29
1.3.4. Ly hôn	30
1.3.5. Lao động	31
1.3.5.1. Các quy định của luật quốc gia	31
1.3.5.2. Các quy định về lao động trong Điều ước quốc tế	32
1.3.6. Tổ tụng dân sự quốc tế	33
Chương 2: PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM	37
2.1. Cơ sở pháp lý	37
2.1.1. Cơ sở pháp lý quốc gia	37
2.1.2. Cơ sở pháp lý quốc tế	40
2.1.2.1. Ký kết các Điều ước quốc tế song phương	40
2.1.2.2. Ký kết và tham gia các Điều ước quốc tế đa phương	43
2.2. Thực trạng địa vị pháp lý của người nước ngoài ở Việt Nam trong lĩnh vực tư pháp quốc tế hiện đại	43
2.2.1. Nội dung cơ bản và thực trạng của chế độ xuất cảnh, nhập cảnh	43
2.2.1.1. Điều kiện nhập cảnh đối với người nước ngoài	43
2.2.1.2. Các trường hợp chưa cho người nước ngoài nhập cảnh	45
2.2.1.3. Cấp chứng nhận tạm trú, thường trú cho người nước ngoài	45
2.2.1.4. Trường hợp người nước ngoài bị tạm hoãn xuất cảnh, trục xuất khỏi Việt Nam	46
2.2.2. Trong lĩnh vực sở hữu tài sản và đầu tư nước ngoài	48
2.2.2.1. Địa vị pháp lý của người nước ngoài qua các thời kỳ	49
2.2.2.2. Thực trạng và các quy định về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của người nước ngoài, một trong những vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay	53
2.2.3. Các nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	61
2.2.3.1. Những điểm mới của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009	61
2.2.4. Thực trạng pháp luật Việt Nam trong việc giải quyết một số tranh chấp về hợp đồng dân sự	64
2.2.4.1. Hiện tượng dẫn chiếu trong lĩnh vực hợp đồng ở Việt Nam	64
2.2.5. Trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	68
2.2.5.1. Nguyên tắc chung trong quy định của pháp luật Việt Nam	68
2.2.5.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam trong việc kết hôn, ly hôn	69
2.2.5.3. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng	72
2.2.5.4. Quan hệ cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam	73
2.2.5.5. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	74
2.2.6. Trong lĩnh vực thừa kế	74
2.2.6.1. Những nguyên tắc chung	74
2.2.6.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực thừa kế có yếu tố nước ngoài	75
2.2.7. Trong lĩnh vực lao động	78
2.2.7.1. Những nguyên tắc chung	78
2.2.7.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về lao động có yếu tố nước ngoài	79
2.2.8. Trong lĩnh vực tổ tụng dân sự	81
2.2.8.1. Nguyên tắc chung	81
2.2.8.2. Một số vấn đề bất cập trong pháp luật Việt Nam	81
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY TẠI VIỆT NAM	84
3.1. Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam, những tồn tại, bất cập và nguyên nhân	84
3.1.1. Tồn tại và bất cập	84
3.1.2. Nguyên nhân những tồn tại và bất cập	85
3.2. Phương hướng hoàn thiện	87
3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện các quy định trong Tư pháp quốc tế Việt Nam về địa vị pháp lý của người nước ngoài	87
3.2.1.1. Trong lĩnh vực sở hữu tài sản	87
3.2.1.2. Kiến nghị	91
3.2.1.3. Trong lĩnh vực thừa kế	92
3.2.1.4. Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	94
3.2.1.5. Trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng dân sự	94
3.2.1.6. Trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình	95
3.2.1.7. Trong lĩnh vực lao động	96

3.2.1.8.	Trong lĩnh vực tổ tụng dân sự quốc tế	96
3.2.1.9.	Cải cách thủ tục hành chính và quy trình quản lý người nước ngoài trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, cư trú, di lại	100
3.3.	Giải pháp hoàn thiện	102
3.3.1.	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành	102
3.3.1.1.	Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật tổ chức nhà nước	102
3.3.1.2.	Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ tụng	103
3.3.1.3.	Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thông qua việc đổi mới quy trình từ việc lập chương trình đến soạn thảo, thẩm định, rà soát và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở cả cấp Trung ương lẫn cả địa phương	104
3.3.1.4.	Phát triển và hoàn thiện hệ thống cổng thông tin điện tử về thủ tục hành chính và thông tin pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật của Việt ă am	106
3.3.1.5.	Hoàn thiện khung pháp luật đảm bảo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	108
3.3.2.	Chú trọng nghiên cứu phát triển tư pháp quốc tế của Việt ă am	111
3.3.2.1.	ă ghiên cứu về khả năng áp dụng án lệ, tập quán, quy tắc của các hiệp hội nghề nghiệp	112
3.3.2.2.	Cần thiết thành lập cơ quan nghiên cứu về tư pháp quốc tế và pháp luật kinh tế phục vụ cho việc hội nhập	112
3.3.3.	Đổi mới và hoàn thiện các cơ quan tư pháp	114
3.3.3.1.	Bảo đảm nguồn nhân lực cán bộ, công chức và các chức danh tư pháp được đào tạo về số lượng và có chất lượng	114
3.3.3.2.	Hiện đại hóa các cơ quan thi hành pháp luật và tư pháp để đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế	117
	KẾT LUẬN	118
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	120

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng quy chế pháp lý cho người nước ngoài tại Việt ả am đã được nghiên cứu theo xu hướng ngày càng phù hợp với xu thế chung của thời đại, pháp luật quốc tế. Song đây vẫn là vấn đề khó và cần không ngừng được nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm, để đưa ra những luận chứng có tính thuyết phục, góp phần tạo một môi trường pháp lý hết sức thuận lợi cho người nước ngoài ở nước ta đồng thời vẫn giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia. Vì vậy, đề tài "**Thực trạng và hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của người nước ngoài tại Việt Nam**" mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Đề tài nhằm tìm hiểu, nghiên cứu những nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài trong tư pháp quốc tế.

2. Tình hình nghiên cứu

Tính đến nay đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực này:

- *Quy chế pháp lý dân sự của công dân nước ngoài ở các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam*, của Đoàn ả ả ả, Luận án phó tiến sĩ khoa học Luật, Bacu, 1986.
- *Điều chỉnh pháp lý các quan hệ hôn nhân- gia đình trong các hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa*, của ả ả ả Văn Quyền, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Luật, Kiev, 1991.
- *Đổi mới và hoàn thiện pháp luật trong quản lý nhà nước đối với người nước ngoài ở nước ta hiện nay*, của Bùi Quảng Bạ, Luận án phó tiến sĩ khoa học Luật, Hà ả ả, 1996.
- *Địa vị pháp lý của người nước ngoài ở Việt Nam trong tư pháp quốc tế giai đoạn hiện nay*, của Trần Hưng Bình, Luận văn thạc sĩ Luật học, Hà ả ả, 2002.
- *Hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam*, của Phạm Thị Phụng, Luận văn thạc sĩ luật học, Hà ả ả, 2004.
- *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, do PGS.TS ả ả ả Bá Diễn chủ biên, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà ả ả, 2001.
- *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, do TS. Bùi Xuân ả ả ả chủ biên, Trường Đại học Luật Hà ả ả, 2007.

Trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, chúng ta vẫn còn thiếu các công trình nghiên cứu sâu, đầy đủ, có hệ thống dưới dạng luận văn thạc sĩ, tiến sĩ Luật học để đáp ứng được những đòi hỏi thực tế của tình hình mới.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu

- Mục đích:

Đề tài nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài tại Việt ả am cũng như các biện pháp đảm bảo của ả ả nước trong các lĩnh vực nêu trên. Chỉ ra những khiếm khuyết, tồn tại, đồng thời đối chiếu với các cam kết hội nhập nhằm đưa ra và phân tích các yêu cầu hoàn thiện. Đề tài cũng sẽ nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia điển hình là thành viên của WTO. Từ đó đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của người nước ngoài tại Việt ả am hiện nay.

- Phạm vi nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu người nước ngoài bao hàm người nước ngoài có quốc tịch nước ngoài hoặc không có quốc tịch cư trú trên lãnh thổ Việt ả am, không bao gồm những người có thân phận ngoại giao được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt. Đây là một đề tài phạm vi rộng, bên cạnh việc nghiên cứu quy định hiện hành trong một số lĩnh vực cụ thể của tư pháp quốc tế của pháp luật Việt ả am về địa vị pháp lý của người nước ngoài như: Sở hữu - Thừa kế - Hôn nhân, gia đình - lao động - sở hữu trí tuệ - tổ tụng dân sự, tác giả tập trung nghiên cứu sâu về quyền sở hữu của người nước ngoài, đặc biệt là vấn đề mua nhà đất của người nước ngoài tại Việt ả am hiện nay.

4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài gồm ba vấn đề:

- + ả ả ả vấn đề lý luận cơ bản về người nước ngoài- địa vị pháp lý của người nước ngoài.
- + Địa vị pháp lý của người nước ngoài trong tư pháp quốc tế Việt ả am giai đoạn hiện nay.
- + Phương hướng và kiến nghị hoàn thiện

- Phương pháp nghiên cứu: Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phân tích luật thực định, thực tiễn. Tác giả sẽ sử dụng phương pháp phân tích, giải thích, so sánh...

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Luận văn có thể áp dụng vào thực tế xây dựng và hoàn thiện địa vị pháp lý người nước ngoài tại Việt ă am, đặc biệt trong các lĩnh vực sở hữu - thừa kế - Hôn nhân, gia đình - lao động - sở hữu trí tuệ - tổ tụng dân sự. Đây có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu pháp luật về địa vị pháp lý người nước ngoài tại Việt ă am và cho những người quan tâm đến lĩnh vực này.

6. Kết cấu của luận văn

ă goài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về địa vị pháp lý của người nước ngoài.

Chương 2: Pháp luật về địa vị pháp lý của người nước ngoài ở Việt ă am.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý người nước ngoài trong giai đoạn hiện nay tại Việt ă am.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1.1. Khái niệm người nước ngoài và phân loại

1.1.1. Khái niệm người nước ngoài:

Trong đề tài này chỉ đề cập đến những người nước ngoài ở Việt ă am, cũng căn cứ Khoản 6 Điều 2 Luật quốc tịch sửa đổi năm 2008, khái niệm người nước ngoài có thể hiểu hẹp lại như sau: *Người nước ngoài là những người có quốc tịch nước ngoài hoặc không có quốc tịch Việt Nam thường trú hoặc tạm trú ở Việt Nam.*

1.1.2. Phân loại người nước ngoài

Căn cứ vào quan hệ quốc tịch

Căn cứ vào nơi cư trú

Căn cứ vào quy chế pháp lý

1.2. Cơ sở pháp lý xây dựng địa vị pháp lý của người nước ngoài

1.2.1. Căn cứ hình thành

1.2.1.1. Bộ luật Nhân quyền quốc tế

1.2.1.2. Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền

1.2.1.3. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa

1.2.2. Sự tham gia của Việt Nam vào các Công ước quốc tế về quyền con người

Song song với việc tham gia, phê chuẩn các điều ước quốc tế liên quan đến quyền con người, ă hà nước Việt ă am cũng không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật của mình. Vấn đề quyền con người nước ngoài cũng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trong nước.

1.2.3. Khái niệm địa vị pháp lý áp dụng cho người nước ngoài

ă gười nước ngoài cũng là một thể nhân trong xã hội. Vì vậy, nói tới tìm hiểu địa vị pháp lý của người nước ngoài là tìm hiểu quyền năng chủ thể, hệ thống quyền, địa vị pháp lý, các lợi ích hợp pháp của cá nhân và các biện pháp pháp lý bảo đảm thực hiện quyền năng chủ thể, các quyền, nghĩa vụ và các lợi ích hợp pháp của họ ở nước sở tại trong lĩnh vực dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài như: *quan hệ dân sự theo nghĩa hẹp, quan hệ kinh tế, thương mại, quan hệ hôn nhân gia đình, quan hệ lao động và quan hệ tổ tụng dân sự.*

1.2.3.1 Chế độ đãi ngộ quốc gia (Nation Treatment)

1.2.3.2 Chế độ tối huệ quốc (The Most Favoured Nation treatment)

1.2.3.3 Chế độ đãi ngộ đặc biệt (ưu đãi miễn trừ)

1.2.3.4 Chế độ có đi có lại và báo phục quốc

1.2.4. Đặc điểm địa vị pháp lý của người nước ngoài

Người nước ngoài cùng một lúc phải tuân theo hai hệ thống pháp luật là pháp luật nước nơi cư trú và pháp luật của nước mình. Về mặt lý luận và thực tiễn, không có ai là người nước ngoài khi cư trú tại một nước lại được phép vi phạm pháp luật của nước mình để thoát tránh việc tuân thủ pháp luật của nước nơi mình đang cư trú.

1.3. Khái quát về địa vị pháp lý của người nước ngoài trong tư pháp quốc tế trên thế giới

1.3.1. Quyền thừa kế

Bao gồm: Thừa kế theo luật; thừa kế theo di chúc; vấn đề di sản không người thừa kế

1.3.2. Quan hệ hôn nhân và gia đình

Bao gồm các vấn đề sau: Kết hôn và hủy kết hôn có yếu tố nước ngoài; nội dung và điều kiện kết hôn; hủy kết hôn; quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng; quan hệ cha, mẹ, con.

1.3.3. Nuôi con nuôi

1.3.4. Ly hôn

1.3.5. Lao động

1.3.6. Tổ tụng dân sự quốc tế

Chương 2

PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

2.1. Cơ sở pháp lý

2.1.1. Cơ sở pháp lý quốc gia

Gồm Hiến pháp và các văn bản luật

2.1.2. Cơ sở pháp lý quốc tế

2.1.2.1. Ký kết các điều ước quốc tế song phương;

2.1.2.2. Ký kết và tham gia các điều ước quốc tế đa phương

2.2. Thực trạng địa vị pháp lý của người nước ngoài ở Việt Nam trong lĩnh vực tư pháp quốc tế hiện đại

2.2.1. Nội dung cơ bản và thực trạng của chế độ xuất cảnh, nhập cảnh

2.2.1.1. Điều kiện nhập cảnh đối với người nước ngoài

Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu và phải có thị thực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp được miễn thị thực.

2.2.1.2. Các trường hợp chưa cho người nước ngoài nhập cảnh

2.2.1.3. Cấp chứng nhận tạm trú, thường trú cho người nước ngoài

- Cấp Giấy chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài

- Giải quyết thường trú cho người nước ngoài

2.2.1.4. Trường hợp người nước ngoài bị tạm hoãn xuất cảnh, trục xuất khỏi Việt Nam

2.2.2. Trong lĩnh vực sở hữu tài sản và đầu tư nước ngoài

2.2.2.1. Địa vị pháp lý của người nước ngoài qua các thời kỳ

Giai đoạn trước khi ban hành Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005: Pháp luật Việt Nam chưa có quy định chung và đầy đủ về quyền sở hữu tài sản của người nước ngoài. Các quy định về vấn đề này nằm rải rác ở rất nhiều văn bản khác nhau.

Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005 đến nay: Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam.

2.2.2.2. Thực trạng và các quy định về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà của người nước ngoài, một trong những vấn đề nóng bỏng nhất hiện nay

Trong xu thế đổi mới mở rộng quan hệ kinh tế, quốc tế với các nước, Hà Nội cũng như các thành phố lớn khác đều có các quy hoạch mở rộng phát triển đô thị, đặc biệt việc sáp nhập Hà Nội với các tỉnh lân cận như Hà Tây, một số quận huyện tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình. Đặc biệt có rất nhiều các dự án lớn tại các huyện ngoại thành và

các thành phố vệ tinh với kết cấu hạ tầng xứng tầm với Việt ả am đang trên đà phát triển trong thời gian tới đến năm 2020, 2050. Trong đó, vấn đề sôi động nhất hiện nay là sự biến động và tăng giá của thị trường bất động sản

Quốc hội thông qua nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt ả am; Chính phủ ban hành ả ghi định số 51/2009/ả Đ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số Điều của ả ghi quyết số 19/2008/QH12, qua đó cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép sở hữu nhà ở tại Việt ả am không nhằm mục đích kinh doanh, đồng thời ban hành các định chế hết sức chặt chẽ để đảm bảo chính sách vừa có thể đáp ứng nhu cầu về chỗ ở cho người mua nhà, hạn chế tối đa việc lợi dụng chính sách để đầu cơ, hoặc vào các mục đích khác ảnh hưởng đến thị trường bất động sản và nền kinh tế xã hội của đất nước

Chính sách cho phép người nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt ả am thể hiện đường lối đổi mới, mở rộng hội nhập của Đảng ta, phù hợp với xu thế chung của thế giới, sẽ góp phần khuyến khích đầu tư nước ngoài, thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản, các ngành dịch vụ, giải quyết nhu cầu việc làm, cải thiện môi trường và thay đổi bộ mặt kiến trúc, cảnh quan của các đô thị theo hướng văn minh và hiện đại.

Hiện nay, nhà nước đang bắt đầu áp dụng không khống chế số lượng nhà đất mà người nước ngoài mua, thời gian cư trú tại Việt ả am ít nhất là 3 tháng trở lên, cùng một số điều kiện khác. Việc này đã là một trang mới "mở" ra cho người nước ngoài muốn làm ăn, cư trú và sinh sống tại Việt ả am.

2.2.3. Các nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực Sở Hữu trí tuệ

2.2.3.1. Những điểm mới của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009:

Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 19/6/2009 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.

Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005 đã bộc lộ một số hạn chế sau 3 năm thực thi. Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện hệ thống quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo hướng đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) phục vụ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1/1/2010 với một số điểm mới chủ yếu sau:

- *Về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả:* Thời gian bảo hộ được sửa đổi tăng từ 50 năm (Khoản 2 Điều 27 của Luật SHTT năm 2005) lên 75 năm kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh. Sửa đổi này nhằm khuyến khích các tác giả và chủ sở hữu công bố tác phẩm sớm hơn.

- *Về quyền sở hữu công nghiệp:* điều chỉnh hợp lý để luật của Việt ả am phù hợp với Điều 4B của Công ước Pa-ri về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, theo đó không một hành động nào của một bên thứ ba có thể gây tổn hại đến quyền của người nộp đơn trong thời gian ưu tiên.

- *Về quyền đối với giống cây trồng:* Việt ả am là thành viên của Công ước về bảo hộ các giống cây trồng mới (UPOV). Cũng theo Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009, tổ chức, cá nhân không nhất thiết phải mang quốc tịch Việt ả am, hay mang quốc tịch của một quốc gia có ký kết điều ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng với Việt ả am hay có trụ sở tại Việt ả am mới được hưởng sự bảo hộ.

- *Về thực thi các quyền sở hữu trí tuệ:* Quy định về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính tại Khoản 1 Điều 211 được bổ sung hành vi "xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu", đồng thời bổ quy định về hành vi "Không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mặc dù đã được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó.

2.2.4. Thực trạng pháp luật Việt Nam trong việc giải quyết một số tranh chấp về hợp đồng dân sự

2.2.4.1. Hiện tượng dẫn chiếu trong lĩnh vực hợp đồng ở Việt Nam

- *Hiện tượng dẫn chiếu trong lĩnh vực hợp đồng ở Việt Nam khi các bên không có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng:*

ả ước ta khi các bên không có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của họ được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng. ả hưng theo Tư pháp quốc tế một số nước, trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định theo pháp luật của nước có quan hệ gần bó nhất với hợp đồng. Ví dụ, theo khoản 1, Điều 4 Công ước Roma ngày 19 tháng 6 năm 1980, trong trường hợp pháp luật điều chỉnh hợp đồng không được các bên thỏa thuận chọn, hợp đồng được chi phối bởi pháp luật của nước mà hợp đồng có quan hệ mật thiết nhất. Sự khác nhau về phần hệ thuộc của quy phạm xung đột điều chỉnh hợp đồng khi các bên

không có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng ở nước ta và ở nước ngoài có thể làm phát sinh hiện tượng dẫn chiếu ở Việt   am như trường hợp tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh có yếu tố nước ngoài mà tác giả đưa ra sau đây.

Điều chỉnh hiện tượng dẫn chiếu trong lĩnh vực hợp đồng ở Việt Nam khi các bên có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng: Khi các bên có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng thì không nên chấp nhận dẫn chiếu bởi vì: chấp nhận dẫn chiếu sẽ làm đảo lộn những dự tính của các bên khi họ thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng.    u chấp nhận dẫn chiếu sẽ không áp dụng những quy phạm thực chất của nước mà các bên đã chọn để chi phối hợp đồng mà áp dụng các quy phạm thực chất của một nước mà các bên không có dự tính sử dụng để chi phối hợp đồng.

   u chấp nhận dẫn chiếu khi các bên có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng, đi ngược lại với mục đích, tinh thần của quy phạm xung đột thiết lập trong khoản 2 Điều 834 nêu trên.

Điều chỉnh hiện tượng dẫn chiếu trong lĩnh vực hợp đồng ở Việt Nam khi các bên không có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng: Chúng ta nên luật hóa việc phủ nhận này bằng cách bổ sung vào Điều 834 khoản 2 Bộ luật dân sự 2005 Việt   am nêu: Trong trường hợp các bên có thỏa thuận chọn pháp luật một nước để chi phối hợp đồng, dẫn chiếu không được chấp nhận hoặc trong trường hợp các bên có thỏa thuận chọn pháp luật của một nước để chi phối hợp đồng, pháp luật của nước được chọn chỉ gồm các quy phạm thực chất và không chứa đựng quy phạm xung đột.

2.2.5. Trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình

2.2.5.1. Nguyên tắc chung trong quy định của pháp luật Việt Nam

Pháp luật Việt   am tôn trọng và bảo vệ công dân Việt   am kết hôn với người nước ngoài, và giữa người nước ngoài kết hôn với nhau trên lãnh thổ Việt   am phù hợp với pháp luật Việt   am và các điều ước quốc tế mà Việt   am ký kết hoặc tham gia.

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2001, cùng các văn bản dưới luật hợp thành hệ thống các quy định chi tiết điều chỉnh các quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài khi áp dụng pháp luật Việt   am.

2.2.5.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam trong việc kết hôn, ly hôn

- *Trong việc kết hôn:* Để điều chỉnh vấn đề này, nhà nước ta đã kịp thời ban hành   ghị định 68/2002/  Đ-CP và   ghị định 69/2007/  Đ-CP đã đưa công tác hộ tịch có yếu tố nước ngoài nói chung và việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài nói riêng đi vào quỹ đạo ổn định, cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý   hà nước, cũng như giải quyết thấu đáo được các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực này.

Về điều kiện kết hôn, theo khoản 1 Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và   ghị định 68/2002/  Đ-CP và   ghị định 69/2007/  Đ-CP thì việc kết hôn giữa công dân và người nước ngoài phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn.    u việc kết hôn được tiến hành tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt   am thì người nước ngoài còn phải tuân theo các quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt   am về điều kiện kết hôn và các trường hợp cấm kết hôn.   hư vậy, nguyên tắc cơ bản để giải quyết xung đột pháp luật về điều kiện kết hôn là nguyên tắc luật quốc tịch của các bên đương sự.

Luật hôn nhân và gia đình cùng các nghị định hướng dẫn thi hành, hướng dẫn nhiều tình huống như: người nước ngoài kết hôn với người nước ngoài trên lãnh thổ Việt   am; người Việt   am kết hôn với người nước ngoài tại Việt   am...

Trong việc ly hôn: Việc ly hôn giữa công dân Việt   am và người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú tại Việt   am giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt   am. Thẩm quyền giải quyết việc ly hôn đối với người nước ngoài cư trú tại Việt   am thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc tòa án thành phố thuộc tỉnh.

Giải quyết xung đột pháp luật về ly hôn còn được đề cập trong các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt   am ký kết với nước ngoài. Theo các hiệp định, vấn đề ly hôn giữa công dân các nước được giải quyết theo nguyên tắc:    u hai vợ chồng có cùng quốc tịch thì luật áp dụng để giải quyết ly hôn là luật quốc tịch của cả hai vợ chồng;    u hai vợ chồng khác quốc tịch thì cơ quan có thẩm quyền của nước ký kết nào nhận đơn xin ly hôn sẽ giải quyết theo pháp luật của nước đó.

Pháp luật Việt   am có một số điểm tiến bộ, ưu tiên đối với phụ nữ, đó là: không thụ lý đơn xin ly hôn của người chồng trong trường hợp vợ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

2.2.5.3. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng.

Khoản 3 Điều 102, Khoản 1 Điều 7 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì pháp luật điều chỉnh quan hệ trên có thể là pháp luật Việt   am. Pháp luật Việt   am điều chỉnh quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ và chồng có yếu tố nước ngoài ở Việt   am là các quy phạm pháp luật được ghi nhận trong Luật Hôn nhân và Gia đình Việt nam và các quy phạm

pháp luật khác của Việt   am. cho thấy: những quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng mang yếu tố tình cảm gắn liền với bản thân vợ chồng không thể chuyển giao cho người khác, chỉ với tư cách là vợ chồng của nhau thì mới có những quyền và nghĩa vụ đó.

2.2.5.4. Quan hệ cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam

Hiến pháp 1992 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đều ghi nhận: "nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con..."

Hiện nay, với tốc độ hội nhập trong nước và quốc tế, bên cạnh đó số các vụ việc về nhận cha, mẹ con có yếu tố nước ngoài ngày càng gia tăng. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của trẻ em, việc nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài căn cứ   ghi định số 158/2005/  Đ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ; Quyết định số 04/2007/QĐ-BTP ngày 13/6/2007;   ghi định số 68/2002/  Đ-CP ngày 10/07/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình;   ghi định 69/2006/  Đ-CP   ghi định Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của   ghi định số 68/2002/  Đ-CP ngày 10/07/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc thực hiện nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với trẻ em từ đủ 9 tuổi trở nên, việc nhận cha, mẹ, con phải được sự đồng ý của người con.

2.2.5.5. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Luật   uôi con nuôi đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt   am khóa XII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/6/2010 (Luật số 52/2010/QH12),.   hững điểm mới của Luật   uôi con nuôi rất quan trọng - đảm bảo quyền trẻ em theo công ước quốc tế và pháp luật. Có nhiều điểm mới, tích cực. Trình tự, thủ tục được rút gọn hơn. Cho con nuôi nước ngoài là biện pháp tình thế khi không còn cách nào khác. Các cơ quan chức năng phải nắm được các nhu cầu về cho nhận con nuôi để làm cầu nối, tìm kiếm gia đình thay thế cho trẻ em ngay tại quê hương.

2.2.6. Trong lĩnh vực thừa kế

2.2.6.1. Những nguyên tắc chung

Phần 7 Bộ luật Dân sự Việt   am có các quy định về hình thức và nội dung của di chúc, về hàng thừa kế, đặc biệt về vấn đề di sản không có người thừa kế. Tuy nhiên, trong thực tế còn diễn ra nhiều các trường hợp rắc rối và phức tạp.

Do có sự chuyển dịch quyền sở hữu tài sản của người để lại thừa kế cho người còn sống, quan hệ thừa kế là một quan hệ tài sản và có quan hệ với pháp luật nơi có tài sản. Do có sự chuyển dịch quyền sở hữu tài sản của người để lại thừa kế cho người còn sống trên cơ sở huyết thống, quan hệ thừa kế là một quan hệ nhân thân và có quan hệ với pháp luật nhân thân của người để lại thừa kế.

Đối với di sản ở nước ngoài, bản án của Tòa án sẽ có thể phải được thừa nhận ở nước nơi có di sản, nhất là khi di sản là bất động sản. Tòa án nước ta có nhiều cơ hội được thừa nhận ở nước nơi có di sản và các biện pháp uỷ thác tư pháp không gặp nhiều bất lợi.

2.2.6.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực thừa kế có yếu tố nước ngoài

   u không phân biệt di sản là động sản hay bất động sản, thì hoặc  p dụng pháp luật của nước mà người để lại thừa kế có quốc tịch điều chỉnh vấn đề thừa kế; hoặc  p dụng pháp luật của nước mà người để lại thừa kế cư trú để điều chỉnh vấn đề thừa kế.    u phân biệt di sản là động sản hay bất động sản, thì hoặc  p dụng pháp luật của nước mà người để lại thừa kế có nơi cư trú cuối cùng điều chỉnh di sản là động sản và pháp luật của nước nơi có tài sản điều chỉnh di sản là bất động sản; hoặc  p dụng pháp luật của nước mà người để lại thừa kế có quốc tịch điều chỉnh thừa kế đối với di sản là động sản và pháp luật nơi có tài sản để điều chỉnh vấn đề thừa kế đối với di sản là bất động sản.

Pháp luật điều chỉnh thừa kế là pháp luật của nước mà người để lại thừa kế có quốc tịch, vấn đề này vẫn còn một số nhược điểm: sự quá tôn trọng bản chất nhân thân và bỏ qua bản chất tài sản của quan hệ thừa kế theo pháp luật

2.2.7. Trong lĩnh vực lao động

2.2.7.1. Những nguyên tắc chung

  gười lao động nước ngoài tại Việt   am có thể được chia làm 4 nhóm:   hóm những người nước ngoài đến Việt   am lao động theo Luật Đầu tư;   hóm những người nước ngoài đến Việt   am làm việc cho các cơ quan nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế đóng tại Việt   am;   hóm những người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp của Việt   am hoặc làm việc cho công dân Việt   am.

2.2.7.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về lao động có yếu tố nước ngoài

Theo báo Vn economy điện tử ngày 23/4/2009: cả nước hiện có trên 50.000 lao động đến từ hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, chủ yếu là người châu Á. Trong số đó, lao động hợp pháp, được cấp phép chiếm khoảng 70%, còn lại

30% là lao động phổ thông đến Việt   am làm việc theo visa du lịch. Theo đó, lao động nước ngoài vào Việt   am một mặt đáp ứng những vị trí mà lao động trong nước chưa đáp ứng được. Mặt khác, việc các nhà thầu nước ngoài đem theo nhiều lao động, chuyên gia sang Việt   am để phục vụ mục đích phát triển của họ là điều được phép, đó là xu thế tất yếu. Tất nhiên, hội nhập thị trường lao động nhưng phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật.

Sắp tới, Chính phủ sửa đổi   ghị định 34/2008 về quản lý lao động nước ngoài. Theo đó, sẽ đề nghị nâng mức xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm. và Sẽ trục xuất lao động nước ngoài không có giấy phép.

2.2.8. Trong lĩnh vực tổ tụng dân sự

2.2.8.1. Nguyên tắc chung

Tổ tụng dân sự quốc tế có những nguyên tắc cơ bản, đặc thù

Tôn trọng chủ quyền an ninh quốc gia của nhau; tôn trọng quyền miễn trừ tư pháp của nhà nước và những người được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; đảm bảo quyền bình đẳng của các bên tham gia tố tụng;

2.2.8.2. Một số vấn đề bất cập trong pháp luật Việt Nam

Các quy định về phí và lệ phí tố tụng

- *Chế độ cược án phí (Cautio judicatum solvi)*: Pháp luật nước ta hiện nay chưa áp dụng chế định cược án phí Cautio judicatum solvi, thực tiễn xét xử cho thấy không thể bảo vệ được quyền cũng như lợi ích chính đáng của bên bị đơn trong trường hợp đơn kiện của bên nguyên bị tòa án bác bỏ một cách hợp pháp. Trên thực tế, mặc dù không nhiều, vẫn còn tình trạng tùy tiện sử dụng biện pháp tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp dân sự.

Chưa có quy định cụ thể về thủ tục rút gọn trong Tố tụng Dân sự: Bộ luật Tố tụng dân sự hiện hành không có quy định về thủ tục "rút gọn", do vậy cũng như các vụ việc dân sự đã rõ ràng, đơn giản, các đương sự không có gì tranh chấp như các vụ xin thuận tình ly hôn, nhận nuôi con nuôi,... vẫn phải theo các trình tự mà pháp luật quy định. Điều này một mặt kéo dài thời gian kiện tụng, gây nhiều tổn thất, chi phí cho tòa án và cho cả các bên, tạo cảm giác rườm rà, phức tạp thêm tình hình vụ kiện.

Vấn đề ủy thác tư pháp: Ủy thác tư pháp theo nghĩa rộng bao gồm: tổng đạt cho đương sự giấy triệu tập của tòa, quyết định và các giấy tờ cần thiết khác của tòa, thu thập chứng cứ, lấy lời khai đương sự, nhân chứng, xác minh địa chỉ, trưng cầu giám định... Ủy thác tư pháp có thể theo hai chiều: từ Việt   am và từ nước ngoài. Hiện nay, tồn tại hàng loạt án dân do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY TẠI VIỆT NAM

3.1. Thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam, những tồn tại, bất cập và nguyên nhân.

3.1.1. Tồn tại và bất cập

- Chưa có quan niệm chung, thống nhất về tư pháp quốc tế trong hệ thống pháp luật Việt   am, chưa xây dựng được cơ chế thi hành pháp luật, chưa quan tâm đúng mức đến các điều kiện về tổ chức, nhân sự và tài chính để đảm bảo thi hành pháp luật

Vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác định rõ, vẫn còn tình trạng nhà nước ôm đồm quá nhiều việc. Việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật và pháp lệnh cũng như việc giải quyết khiếu nại tố cáo còn chiếm quá nhiều thời gian trong hoạt động của chính phủ.

- Chất lượng văn bản quy phạm pháp luật chưa cao

-    ng lực xét xử của thẩm phán, nhất là thẩm phán tòa án địa phương còn nhiều hạn chế, thủ tục phức tạp, rườm rà tạo tâm lý e ngại của nhà đầu tư nước ngoài khi phải giải quyết tranh chấp tại tòa án Việt   am, thậm chí ngay cả các nhà đầu tư doanh nghiệp

- Về phương thức, chất lượng đào tạo cử nhân luật còn chưa đồng bộ, còn có sự chùng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phân bổ chưa hợp lý giữa các vùng, miền dẫn đến hiệu quả đào tạo còn thấp, dẫn đến tình trạng cử nhân luật được đào tạo nhiều nhưng lại thiếu trầm trọng các chuyên gia có kỹ năng thực hành pháp luật cao và chuyên sâu

- Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật còn nặng về phong trào do đó hiệu quả còn chưa cao.

3.1.2. Nguyên nhân những tồn tại và bất cập

- Đối với thiết chế lập pháp: Còn thiếu một chiến lược về xây dựng pháp luật khoa học hợp lý bao gồm cả sự chuẩn bị mục tiêu, kế hoạch, cơ chế, con người, cơ sở vật chất... Do thiếu tính chiến lược nên dẫn đến tính thiếu đồng bộ trong cả hệ thống pháp luật và trong công tác lập pháp.

- Đối với thiết chế thi hành pháp luật và điều ước quốc tế

+ Do quá trình tổng kết thực tiễn tổ chức và hoạt động của các thiết chế thi hành pháp luật không kịp thời nên các chủ trương và giải pháp đổi mới tổ chức bộ máy thiếu tính thực tiễn.

+ Do việc thiết kế bộ máy thiếu một tầm nhìn tổng thể,

+ Do năng lực và phẩm chất của đội ngũ một số cán bộ, công chức trong các thiết chế thi hành pháp luật vẫn còn những hạn chế nhất định.

3.2. Phương hướng hoàn thiện

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện các quy định trong Tư pháp quốc tế Việt Nam về địa vị pháp lý của người nước ngoài.

3.2.1.1. Trong lĩnh vực sở hữu tài sản

Đối với quyền sử dụng đất và sở hữu nhà: Hiện nay, các thành phố lớn đang mở rộng đô thị, đồng thời với sự mở rộng này là sự sôi động, nhộn nhịp chưa từng có của thị trường bất động sản. Trong đó, cơn "khát" mua nhà đất của Việt kiều và người nước ngoài ngày càng lớn. Số liệu thống kê cho thấy lượng người nước ngoài mua nhà bao giờ cũng thấp hơn thực tế rất nhiều. Người nước ngoài gặp nhiều vướng mắc trong thủ tục mua nhà đất, mặc dù đã có các nghị định, thông tư hướng dẫn nhưng trên thực tế, các địa phương đã rất ít, chưa dám thi hành hoặc thẳng thừng từ chối khi người nước ngoài đến làm thủ tục mua nhà đất. Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết 19/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Nghị định có hiệu lực từ ngày 1/8/2009. Theo đó, người nước ngoài được sử dụng phần diện tích đất sử dụng chung tòa nhà chung cư theo hình thức sử dụng đất thuê, thời gian sử dụng đất thuê bằng thời gian sử dụng chung cư.

- Quy định đã có, hướng dẫn thủ tục chưa rõ ràng, Hiện nay những quy định hướng dẫn của Chính phủ về việc cho phép Việt kiều và người nước ngoài được quyền mua nhà đang ngày càng có xu hướng thuận lợi và mở rộng hơn cho nhiều đối tượng. Song, ban hành các nghị định hướng dẫn cụ thể những trình tự thủ tục lại gặp không ít những khó khăn. Đây là nguyên nhân khiến nhu cầu Việt kiều mua nhà tại Việt Nam còn hạn chế.

Một số quy định về quyền sở hữu nhà đất vẫn chưa thực sự rõ ràng. Theo đó, Việt kiều có quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất nhưng nhiều địa phương chưa dám duyệt. Có chăng, chỉ cho phép Việt kiều được mua và sở hữu nhà nhưng không được quyền sử dụng đất. Xuất phát từ nguyên nhân trên nên họ đành chọn giải pháp an toàn nhất là nhờ người thân đứng tên dùm mình.

Đối tượng được mua, sở hữu nhà và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tại Việt Nam: Người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam trên 12 tháng được quyền sở hữu nhà. Người nước ngoài đang có sở hữu 1 nhà ở tại Việt Nam thì không được sở hữu các nhà ở khác trong phạm vi toàn quốc. Cá nhân, các tổ chức nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam được mua, sở hữu căn hộ tại chung cư trong dự án phát triển nhà ở thương mại và không thuộc khu vực hạn chế hoặc cấm người nước ngoài cư trú, đi lại trong thời hạn tối đa là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất (đối với cá nhân nước ngoài), và thời hạn tương ứng với thời hạn ghi trong giấy chứng nhận đầu tư cấp cho doanh nghiệp (đối với tổ chức nước ngoài).

Có 5 đối tượng được mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam gồm:

- Cá nhân có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc được doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê chức danh quản lý trong doanh nghiệp đó;

- Cá nhân nước ngoài có công đóng góp cho Việt Nam được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương, Huy chương; cá nhân nước ngoài có đóng góp đặc biệt cho Việt Nam do Thủ tướng quyết định;

- Cá nhân nước ngoài đang làm việc trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội có trình độ đại học hoặc tương đương trở lên và người có kiến thức, kỹ năng đặc biệt mà Việt Nam có nhu cầu;

- Cá nhân nước ngoài kết hôn với công dân Việt Nam;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt ả am theo pháp luật về đầu tư không có chức năng kinh doanh bất động sản, có nhu cầu về nhà ở cho những người đang làm việc tại doanh nghiệp đó.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ khi hết hạn sở hữu nhà ở tại Việt ả am, cá nhân nước ngoài phải bán, tặng hoặc cho nhà ở đó; Mỗi cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng được mua nhà tại Việt ả am chỉ được sở hữu một căn hộ chung cư. Căn hộ đó chỉ được dùng vào mục đích để ở chứ không được cho thuê, làm văn phòng hay sử dụng vào mục đích khác.

3.2.1.3. Kiến nghị

- ả hư vậy, cần có các quy định nói rộng, thông thoáng hơn đối với người nước ngoài, có nhu cầu mua nhà đất mà chưa được sở hữu nhà và sử dụng đất ..., được phép định cư từ 3 tháng trở lên có quyền sở hữu nhà ở để bản thân và các thành viên trong gia đình sinh sống và làm việc tại Việt ả am. ả ếu Việt kiều muốn mua nhà tại Việt ả am còn phải chứng minh được mình là người gốc Việt. Tuy nhiên, việc xác minh này không dễ và nhất là trong trường hợp được sinh ra ở nước ngoài, nay bố mẹ đều đã chết...

- ả hu cầu có chỗ ở là thực sự cần thiết với bà con Việt kiều. Mong muốn của bà con là cần có một chỗ ở để thường xuyên đi về thăm quê hương hơn. Một trong những rào cản khiến cơ quan chức năng cấp địa phương tỏ ra lúng túng khi thực thi các quy định Việt kiều mua nhà là do việc ban hành hướng dẫn chưa kịp thời.

- Phía cơ quan chức năng sẽ sớm nhanh chóng ban hành hướng dẫn để tháo gỡ vướng mắc trên. Đối tượng chỉ được mua 1 căn hộ duy nhất sẽ được quy định cụ thể hơn. Đối tượng được mua nhiều nhà là người có quốc tịch Việt ả am và người gốc Việt ả am. Việt kiều thuộc diện về Việt ả am đầu tư trực tiếp, người có công, nhà khoa học và những cá nhân có kỹ năng đặc biệt phục vụ cho đất nước Việt ả am vẫn thuộc diện này. Riêng, những Việt kiều thuộc các trường hợp còn lại chỉ được mua một nhà.

Cần sớm có quy định không khống chế số lượng nhà người nước ngoài cần mua tại Việt ả am. Vì đây là điều kiện thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt, làm việc của người nước ngoài tại Việt ả am và một thực tế nữa là thị trường bất động sản Việt ả am vẫn còn thiếu rất nhiều vốn so với nhu cầu thực tế cùng sự phát triển đô thị hóa hiện nay.

3.2.1.2. Trong lĩnh vực thừa kế

Xung đột pháp luật về năng lực lập di chúc:

- Công dân là người nước ngoài lập di chúc ở Việt ả am, bất kỳ tài sản của họ ở nước nào, thì họ phải đạt điều kiện lập di chúc theo pháp luật của nước họ và nội dung di chúc phải phù hợp với pháp luật nước họ.

- Công dân Việt ả am lập di chúc ở nước ngoài, bất kỳ tài sản của họ ở nước nào, thì họ phải đạt điều kiện lập di chúc theo pháp luật Việt ả am và nội dung di chúc phải phù hợp với pháp luật nước họ.

Xung đột pháp luật về mặt hình thức:

- Để giải quyết xung đột pháp luật về hình thức di chúc, chúng ta nên áp dụng nguyên tắc nào cho thích hợp, vừa đảm bảo tính nguyên tắc, vừa đảm bảo tính thuận lợi cho người lập di chúc. Theo tác giả, nên áp dụng công thức phổ biến sau đây: hình thức di chúc được điều chỉnh theo pháp luật của nước mà người lập di chúc là công dân hoặc theo pháp luật của nước nơi lập di chúc.

3.2.1.3. Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ

- Về cơ chế thực thi:

Hoàn thiện cơ chế bảo hộ quyền tác giả hoặc chủ sở hữu các đối tượng sở hữu công nghiệp bằng cách mở rộng quyền yêu cầu của chủ sở hữu phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt ả am ký kết hoặc tham gia.

Mở rộng phạm vi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng mới như cây trồng, tín hiệu vệ tinh, mạch tích hợp...

Quy định của bảo hộ bí mật thương mại và "bí quyết".

3.2.1.4. Trong lĩnh vực tranh chấp hợp đồng dân sự

- Điều chỉnh hiện tượng dẫn chiếu trong lĩnh vực hợp đồng ở Việt Nam khi các bên không có thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng

- Khi các bên không có thỏa thuận chọn pháp luật, ở các nước châu Âu nói trên, tiêu chí xác định pháp luật chi phối hợp đồng là pháp luật của nước mà hợp đồng có quan hệ mật thiết nhất trong khi đó ở nước ta tiêu chí xác định pháp luật chi phối hợp đồng lại là pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng.

3.2.1.5. Trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình

- Cần phải quy định rõ *thủ tục cụ thể để giải quyết khi có khiếu nại về việc vi phạm quyền nhân thân trong lĩnh vực hôn nhân gia đình*. Đối với loại việc đơn giản rõ ràng, thì có thể giải quyết theo thủ tục rút gọn tránh tình trạng giải quyết kéo dài ảnh hưởng quyền lợi của đương sự.

- *Con nuôi quốc tế*: Luật ả uôi con nuôi 2010 mới ra ban hành, tuy nhiên cần phải có thời gian để áp dụng Luật này vào thực tế, sẽ phát sinh được những điểm còn bất cập và vướng mắc.

3.2.1.6. Trong lĩnh vực lao động.

Vấn đề giải quyết hậu quả pháp lý khi chấm dứt hợp đồng lao động. ả ếu chỉ vi phạm thời hạn báo trước thì không thể coi là chấm dứt hợp đồng trái pháp luật bởi vì việc bồi thường khi vi phạm thời hạn báo trước chỉ đặt ra đối với người sử dụng lao động khi công việc chấm dứt là đúng pháp luật.. ả ếu sự chấm dứt hợp đồng của người lao động là đúng pháp luật và do lỗi của người sử dụng lao động

3.2.1.7. Trong lĩnh vực tổ tụng dân sự quốc tế

Áp dụng thủ tục rút gọn:

- Đối với những điều kiện có chứng cứ rõ ràng, bị đơn thừa nhận nghĩa vụ
- ả ững việc kiện rõ ràng, việc áp dụng pháp luật để giải quyết mang tính hiển nhiên
- ả ững vụ kiện có giá ngạch thấp

3.2.1.8. Cải cách thủ tục hành chính và quy trình quản lý người nước ngoài trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại

- Chính phủ đã xác định xuất nhập cảnh là một trong những lĩnh vực trọng điểm cần tập trung rà soát, cải tiến thủ tục quản lý, giảm những quy định rườm rà, bỏ các khâu trung gian xác nhận hồ sơ, bỏ những khâu xin phép xét duyệt không cần thiết. Để thực hiện tốt yêu cầu trên, Cục quản lý người nước ngoài và xuất cảnh, nhập cảnh cần thường xuyên tổ chức kiểm tra hoạt động quản lý người nước ngoài và quản lý xuất, nhập cảnh của công an các địa phương trong toàn quốc..

3.3. Giải pháp hoàn thiện

3.3.1. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành

3.3.1.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật tổ chức Nhà nước

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan ả hà nước từ Trung ương tới địa phương

3.3.1.2. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ tụng

- Cần sửa đổi, bổ sung luật Tổ tụng dân sự, Bộ luật Dân sự năm 2005 theo hướng quy định rõ ràng, đơn giản hoá thủ tục tố tụng, bảo đảm và đề cao quyền tự định đoạt của các bên tham gia tố tụng.

- Sửa đổi bổ sung Pháp lệnh công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, các quyết định của trọng tài nước ngoài tại Việt ả am

- Tăng cường thêm quyền, năng lực của cơ quan thi hành án

- Hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp

- Cần có quy định hướng dẫn cụ thể về các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế về bất động sản đối với người nước ngoài tại Việt ả am.

3.3.1.3. Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Sửa đổi, bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Tăng cường năng lực của Văn phòng Quốc hội

- Đổi mới cách thức phân công soạn thảo và thẩm định dự án luật,

- ả âng cao năng lực của Bộ Tư pháp trong việc thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

3.3.1.4. Phát triển và hoàn thiện hệ thống cổng thông tin điện tử về thủ tục hành chính và thông tin pháp luật và phổ biến giáo dục pháp luật của Việt Nam

Thực hiện đồng bộ cải cách thủ tục hành chính với triển khai cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông". Rà soát lại hệ thống thủ tục, đánh giá mức độ phù hợp của các thủ tục và kiểm soát việc định ra các thủ tục mới của các bộ, ngành và địa phương. ả hành chóng đưa vào thực hiện tại bộ phận "một cửa" của cơ quan hành chính các cấp những thủ tục hành chính đã được rà soát, công khai tại giai đoạn I của Đề án 30 về đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước. Kiên quyết giảm tối thiểu 30% các quy định về thủ tục hành chính trong năm 2010 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3.3.1.5. Hoàn thiện khung pháp luật đảm bảo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

- Làm rõ chế độ pháp lý về quyền sở hữu, đặc biệt là sở hữu nhà nước và sở hữu toàn dân trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Làm rõ hơn chế độ pháp lý về sở hữu, mà trọng tâm là tài sản thuộc sở hữu toàn dân.

- *Cần sớm ban hành dự thảo Luật Đăng ký bất động sản*: Bất động sản là một trong những vấn đề được quan tâm đến và sôi động nhất hiện nay. Bắt đầu từ cuối tháng 6 năm 2010 đến nay, thị trường có chiều hướng chững lại, đây là phân khúc mới của thị trường, lượng giao dịch có giảm đi. Việc sớm hoàn thiện và ban hành dự thảo Luật Đăng ký bất động sản là rất cần thiết. Đăng ký bất động sản vừa đảm bảo mục tiêu quản lý hiệu quả thị trường bất động sản, vừa thúc đẩy các giao dịch về bất động sản được thực hiện an toàn, minh bạch và công khai.

- Ban hành Luật kế toán phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Sửa đổi Bộ luật dân sự 2005, luật đất đai 2003 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác nhằm tạo ra các quy định thống nhất về cầm cố, thế chấp, và các giao dịch có bảo đảm khác.

- Hoàn thiện pháp luật phục vụ hội nhập quốc tế

- Xây dựng khuôn khổ huy động và điều phối hỗ trợ quốc tế cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Xác định nhu cầu ưu tiên huy động hỗ trợ quốc tế.

- Chuyển hóa các quy phạm của Điều ước quốc tế thành các quy phạm pháp luật trong nước

3.3.2. Chú trọng nghiên cứu phát triển Tư pháp quốc tế của Việt Nam

3.3.2.1. Nghiên cứu về khả năng áp dụng án lệ, tập quán, quy tắc của các hiệp hội nghề nghiệp

3.3.2.2. Cần thiết thành lập cơ quan nghiên cứu về tư pháp quốc tế và pháp luật kinh tế phục vụ cho việc hội nhập

3.3.3. Đổi mới và hoàn thiện các cơ quan Tư pháp

3.3.3.1. Bảo đảm nguồn nhân lực cán bộ, công chức và các chức danh tư pháp được đào tạo về số lượng và có chất lượng

Về số lượng và chất lượng đào tạo: Cần tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ công tác trong ngành tư pháp có đầy đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, vững về chuyên môn, giỏi và nâng cao về nghiệp vụ mới đáp ứng được tình hình phát triển, hội nhập của xã hội.

3.3.3.2. Hiện đại hóa các cơ quan thi hành pháp luật và tư pháp để đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế.

- Hoàn thiện và công khai mạng Chính phủ điện tử hiện đại thuộc tất cả các lĩnh vực tới các cơ quan chính quyền địa phương, tới công dân trong và ngoài nước các thủ tục hành chính nhằm đáp ứng kịp thời quá trình hội nhập;

- Tăng kinh phí hoạt động và nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ quan tư pháp và thi hành pháp luật.

KẾT LUẬN

Kỳ họp đại hội Đảng lần thứ XI đang diễn ra, đất nước ta đang có những bước chuyển mình rõ rệt, chúng ta đã giành được những thắng lợi quan trọng trong lĩnh vực kinh tế, tình hình chính trị xã hội ổn định đời sống nhân dân được cải thiện một bước. ả hững thắng lợi này tuy có ý nghĩa to lớn nhưng đây mới chỉ là những thắng lợi bước đầu, để công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi hoàn toàn chúng ta còn phải vượt qua nhiều gian nan thử thách đang chờ đợi ở phía trước. Mặt khác, thực tiễn sinh động của công cuộc đổi mới, những sai lầm vấp vấp trong khi thực hiện đã cho chúng ta nhiều bài học đòng thườ cũng cho chúng ta thấy rõ chiến lược kinh tế hướng ra bên ngoài của chúng ta là đúng nhưng thực hiện không phải là dễ dàng, thậm chí phải trả giá từ nhiều nguyên cơ khác nhau.

Các mục tiêu chiến lược kinh tế, xã hội chỉ có thể thực hiện có kết quả nếu cơ chế hoạt động và quản lý kinh tế, xã hội phù hợp với quy luật khách quan và được nhanh chóng xây dựng thành hệ thống chính sách và luật pháp, tạo được môi trường thông thoáng vừa có tính pháp lý cao làm cho mọi người trong đó có người nước ngoài an tâm tin tưởng, thấy có lợi dám mạnh dạn bỏ vốn làm ăn, tạo ra của cải vật chất làm giàu cho bản thân cũng như cho xã hội, vừa bảo đảm được yêu cầu quản lý của ả hà nước theo các mục tiêu kinh tế, xã hội đã xác định. Cho đến nay còn nhiều người nước ngoài chưa hiểu và chưa có lòng tin vào quyết tâm đổi mới và cách làm ăn của chúng ta. Do

đó kiện toàn công tác quản lý nhà nước và cải thiện môi trường pháp lý trong đó có xây dựng và hoàn thiện chế định về địa vị pháp lý của người nước ngoài trong tình hình nước ta hiện nay là việc làm cấp bách.

Việc xây dựng và hoàn chỉnh địa vị pháp lý của người nước ngoài ở Việt ả am có một tầm quan trọng đặc biệt. ả ó không chỉ quan trọng đối với riêng người nước ngoài mà còn có ảnh hưởng tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình mở rộng hợp tác trong tất cả các lĩnh vực và ở nhiều cấp độ khác nhau theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ quốc tế giữa Việt ả am với các nước, tạo môi trường thuận lợi hơn cho việc thu hút vốn, kỹ thuật tiên tiến và cả chất xám của nước ngoài, huy động mọi tiềm năng trong nước phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.